

Số: 24/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn
5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 20/CT-TTg ngày 29 tháng
7 năm 2020 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số
13/CT-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 về đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất
lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025;*

*Căn cứ các Văn bản của Bộ Kế hoạch và đầu tư: số 2590/BKHĐT-KTĐPLT
ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ
kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025; số
3731/BKHĐT-KTĐPLT ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc thẩm định kế hoạch
và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn
2021-2025 (lần 2);*

*Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025
tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 405/BC-KTNS ngày 25 tháng 6 năm 2021
của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết
của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai
đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên (lần 2) với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn
2021-2025 tỉnh Hưng Yên là **20.711.842 triệu đồng**, bao gồm:

- a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương **17.094.042 triệu đồng**, bao gồm:
 - Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức 3.348.400 triệu đồng;

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất 13.466.537 triệu đồng;
 - Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình là 199.000 triệu đồng;
 - Nguồn vốn xố số kiến thiết 80.105 triệu đồng.
- b) Nguồn vốn ngân sách Trung ương **3.617.800 triệu đồng**, bao gồm:
- Vốn trong nước là 3.427.700 triệu đồng;
 - Vốn nước ngoài là 190.100 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương **17.094.042 triệu đồng** dự kiến phân bổ như sau:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý là 10.418.170 triệu đồng, bao gồm: 9.512.987 triệu đồng (các nguồn ngân sách tập trung 2.672.528 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh 6.561.354 triệu đồng; nguồn xố số kiến thiết 80.105 triệu đồng; nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình là 199.000 triệu đồng); nguồn thu tiền sử dụng đất Khu đại học Phố Hiến 905.183 triệu đồng, dự kiến phân bổ như sau:

+ Bố trí đủ vốn đầu tư các dự án hoàn thành, chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 1.144.902 triệu đồng; trong đó kế hoạch năm 2021 giao là 620.875 triệu đồng;

+ Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư 100.000 triệu đồng;

+ Đầu tư các chương trình, dự án khởi công mới là 7.106.085 triệu đồng; trong đó kế hoạch năm 2021 giao là 96.196 triệu đồng;

+ Đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu của tỉnh 962.000 triệu đồng; trong đó kế hoạch năm 2021 giao là 212.000 triệu đồng;

+ Dự phòng xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 200.000 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục số II kèm theo)

+ Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật trong Khu đại học Phố Hiến là 905.183 triệu đồng, bao gồm: bố trí cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 319.592 triệu đồng, dự án khởi công mới là 585.591 triệu đồng; trong đó kế hoạch năm 2021 giao là 100.000 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục số III kèm theo)

- Phân cấp cho ngân sách cấp huyện, cấp xã quản lý là 6.675.872 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách tập trung phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố theo

nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 là 675.872 triệu đồng;

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, xã: 6.000.000 triệu đồng (các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn thu tiền sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương mình).

(Chi tiết tại Phụ lục số IV kèm theo)

b) Nguồn ngân sách Trung ương **3.617.800 triệu đồng** dự kiến phân bổ như sau:

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước 3.427.700 triệu đồng, (trong đó kế hoạch nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2021 giao là 348.590 triệu đồng)

Bao gồm: đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên là 2.000.000 triệu đồng (trong đó kế hoạch giao năm 2021 là 100.000 triệu đồng); số còn lại 1.427.700 triệu đồng phân bổ cho 08 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang là 245.600 triệu đồng; dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 là 1.179.500 triệu đồng; hoàn trả vốn ứng trước 2.600 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số V kèm theo)

- Vốn nước ngoài 190.100 triệu đồng; phân bổ cho 01 dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang; trong đó kế hoạch năm 2021 giao là 41.800 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số VI kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, đảm bảo thực hiện theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và đầu tư và Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát từng dự án, đặc biệt những dự án khởi công mới chưa thực sự cần thiết, kém hiệu quả; đảm bảo quy mô, hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra của từng dự án.

Sau khi có số giao chính thức của Quốc hội, tiến hành rà soát kỹ lưỡng lại các danh mục công trình, dự án trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo các danh mục Nghị quyết này; đảm bảo xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tính khả thi và tránh nợ đọng, thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ Nhất nhất trí thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / *Trần Quốc Toàn*

Nơi nhận: *HL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn

Phụ lục số I

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn năm 2021 đã giao	
		Trung ương giao	Địa phương giao			
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	9.453.248	20.024.220	20.711.842	3.102.761	-
A	PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ					
I	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	6.706.308	8.457.723	14.035.970	1.424.261	
1	Cân đối NSDP	3.210.272	4.248.674	10.418.170	1.033.871	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2.372.272	2.372.272	2.672.528	439.300	
b	Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý	600.000	1.638.402	6.561.354	462.466	
c	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong Khu đại học Phố Hiến			905.183	100.000	
d	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc			199.000		
đ	Vốn sở xố kiến thiết	89.500	89.500	80.105	32.105	
e	Nguồn bội chi ngân sách	148.500	148.500			
2	Vốn ngân sách trung ương	2.646.036	2.646.036	3.617.800	390.390	
a	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.142.536	2.142.536	3.617.800	390.390	
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước	1.179.942	1.179.942	3.427.700	348.590	
	- Vốn nước ngoài	962.594	962.594	190.100	41.800	
b	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	503.500	503.500			
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	850.000	850.000			
4	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư		713.013			
II	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	1.735.607	5.202.187	3.675.872	1.065.000	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	596.940	596.940	675.872	128.500	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.138.667	4.058.419	3.000.000	936.500	
3	Vốn khác (Tăng thu, dự phòng, kết dư) của cấp huyện dành cho đầu tư		546.829			
III	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	1.011.333	6.364.310	3.000.000	613.500	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.011.333	5.516.361	3.000.000	613.500	
2	Vốn khác (Tăng thu, dự phòng, kết dư) của cấp xã dành cho đầu tư		847.949			
B	PHÂN THEO NGUỒN VỐN					
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.957.212	15.815.171	17.094.042	2.712.371	-
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2.969.212	2.969.212	3.348.400	567.800	-

Hưng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		Trung ương giao	Địa phương giao	Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn năm 2021 đã giao	
1	2	3	4	5	6	7
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.750.000	11.213.181	13.466.537	2.112.466	-
3	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc			199.000		
4	Vốn sở xố kiến thiết	89.500	89.500	80.105	32.105	-
5	Nguồn bội chi ngân sách	148.500	148.500	-	-	-
6	Vốn khác (Tăng thu, dự phòng, kết dư) của cấp huyện dành cho đầu tư	-	1.394.778	-	-	-
II	Vốn ngân sách trung ương	2.646.036	2.646.036	3.617.800	390.390	
1	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.142.536	2.142.536	3.617.800	390.390	
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước	1.179.942	1.179.942	3.427.700	348.590	-
	- Vốn nước ngoài	962.594	962.594	190.100	41.800	
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	503.500	503.500			
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	850.000	850.000			
III	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	-	713.013	-	-	-

btw

Phụ lục số II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu hồi vốn ứng trước, nguồn XSKT)
 (Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số		Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ			20.511.529	11.474.905	9.512.987	929.071	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			13.090.413	6.938.800	6.041.451	460.709	
a	Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020			415.638	312.038	29.217	20.391	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 (đường 199 cũ) Km0+000 - Km8+000	H. ÂT	2148/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	33.500	33.500	1.100	1.100	
2	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.26 (Long Hưng - Liên Nghĩa), huyện Văn Giang	H.VG	2025/QĐ-UBND ngày 21/9/2016; 2740/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	44.400	26.180	2.680	2.680	
3	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐH.30, huyện Mỹ Hào	TX,MH	2172/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	30.000	21.000	2.100	2.100	
4	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.56 đoạn từ Km0+000 đến Km3+500 (Đốc Bái- Bến đò Đông Ninh), huyện Khoái Châu	H.KC	1652/QĐ-UBND ngày 08/8/2016	42.800	29.960	2.451		
5	Xây dựng cầu Cáp trên ĐH. 82 thuộc địa phận xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	H. PC	1987/QĐ-UBND ngày 14/7/2017	12.000	12.000	25	25	
6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.87 huyện Phù Cừ đoạn từ QL.38B (Km0+000) - ĐT.386 (Km4+100)	H.PC	2826/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	38.466	26.926	1.396	1.396	
7	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.72, ĐH.74 huyện Kim Động	H.KĐ	2886/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.000	27.300	2.570	2.570	
8	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ	H.TL	2877/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	45.000	20.250	1.980	1.980	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	TP.HY	2608/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	42.500	29.750	2.975	2.500	
10	Cải tạo, nâng cấp ĐH.59B, huyện Khoái Châu	H.KC	2827/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	46.500	43.700	4.700		
11	Xây dựng cầu Hồng Tiến tại Km8+920 trên ĐT.384 (đường 204 cũ)	H.KC	2175/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	32.000	32.000	3.200	2.000	
12	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT tại 03 xã : Thăng Lợi, huyện Văn Giang; Hùng An, Mai Động, huyện Kim Động; Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên theo đề án phát triển kinh tế vùng bãi	H.KĐ; TPHY	2223/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	6.022	6.022	590	590	

Hưng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số		Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Xây dựng cầu Thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động	H.KĐ	1605/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	516	516	516	516	
14	Xây dựng cầu Mai Động, huyện Kim Động	H.KĐ	1603/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	1.454	1.454	1.454	1.454	
15	Xây dựng cầu Đức Hợp, huyện Kim Động	H.KĐ	1604/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	1.480	1.480	1.480	1.480	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025							
	Dự án nhóm B			1.973.372	1.352.001	737.474	376.380	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.380 đoạn Km2 +910 đến Km7+000	H.VL	1710/QĐ-UBND 08/8/2019	174.770	174.770	144.770	45.333	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Km7+750 - Km16+370 (Đốc Nghĩa -Luong Tài)	H.VL	1711/QĐ-UBND ngày 08/08/2019	195.000	195.000	176.000	65.667	
3	Dự án Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	H.ÂT	2714/QĐ-UBND ngày 21/11/2016; 2586/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 1522/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	328.000	111.841	59.061		
	Dự án nhóm C							
1	Đường trong Cụm Công nghiệp Tân Quang (đoạn từ Công ty EVERPIA TSC đến Công ty Hữu Nghị)	H.VL	2740/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	33.300	28.000	2.350	2.000	
2	Xây dựng đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7 huyện Yên Mỹ	H. YM	2319/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	78.000	67.521	24.590	24.000	
3	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Đông trên ĐH.81, huyện Phù Cừ	H.PC	2742/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	21.000	15.000	1.500	1.500	
4	Đường quy hoạch số 4, huyện Yên Mỹ (giai đoạn II)	H. YM	2870/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	56.000	25.000	2.500	2.500	
5	Đường nối khu A, B Cụm Công nghiệp Tân Quang với quốc lộ 5, huyện Văn Lâm	H.VL	2878/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	47.000	32.900	4.400	3.000	
6	Cải tạo, nâng cấp ĐH.24 huyện Văn Giang (đoạn từ K0+00 đến K2+800 và đoạn từ Km4+900 đến Km7+100)	H.VG	2848/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	38.000	26.600	7.719	7.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.15, huyện Văn Lâm (đoạn từ Km4+216-Km9+260 theo lý trình mới)	H.VL	2677/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	42.500	29.750	2.975	2.500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
			Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số		Trong đó: Kế hoạch năm 2021 đã giao
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Đường nối khu di tích quốc gia Chùa Nôm - Hưng Yên với cụm di tích quốc gia Kinh Dương Vương - Bắc Ninh, đoạn trên địa phận tỉnh Hưng Yên	H.VL	1807/QĐ-UBND ngày 23/6/2017	39.000	27.300	2.730	2.000	
9	Đầu tư xây dựng công trình đường quy hoạch số 1, huyện Yên Mỹ	H. YM	1231/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	55.000	45.476	8.078	1.980	
10	Đường nối Cụm công nghiệp Tân Quang với Quốc lộ 5 (đoạn từ đường trục chính cụm Công nghiệp Tân Quang đến Công ty cổ phần cơ khí xây dựng công trình I)	H.VL	2375/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2197/QĐ-UBND ngày 18/9/2020	32.000	32.000	3.200	3.000	
11	Đoạn tuyến nối ĐT.379 với QL.39 và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Khoái Châu	HKC	2403/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	76.000	76.000	16.200	15.000	
12	Dự án nâng cấp mở rộng đường gom (bên phải) đường cao tốc Hà Nội- Hải phòng (đoạn từ giao với ĐT.376 giao với QL.38)	H.ÁT	1887/QĐ-UBND 27/8/2019	65.500	65.500	50.500	30.000	
13	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn nối ĐH.66 xã Hồ Tùng Mậu huyện Ân Thi đến điểm giao ĐH.60 xã Chính Nghĩa huyện Kim Động	H.KĐ	1712/QĐ-UBND 08/8/2019	33.000	23.100	10.100	10.100	
14	Đầu tư xây dựng công trình kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào đến QL38 (đoạn thuộc thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên)	TX.MH	2401/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	20.000	14.000	4.000	4.000	
15	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn km0+450 - Km1+300, huyện Văn Lâm	H.VL	791/QĐ-UBND ngày 20/3/2019	26.800	18.760	6.418	6.000	
16	Đầu tư xây dựng công trình cầu bắc qua sông Bàn Lễ trên ĐH.95	H.TL	2343/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	10.000	10.000	5.000	5.000	
17	Đầu tư xây dựng công trình đường trục xã Bảo Khê giai đoạn 2 (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	TPHY	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	35.000	17.500	11.500	4.000	
18	Đường trục xã Tân Việt (Đoạn 1 từ đường ĐT.376 đến cổng làng Yên Đô; đoạn 2 từ đường ĐT.382 đến cổng nhà Mạc)	H. YM	2471/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.900	14.900	6.900	6.900	
19	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72 địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Như Hồ đến ngã ba Cu Tuế)	TPHY	1107/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	28.486	17.092	9.091	9.000	
20	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy thành phố Hưng Yên	TPHY	2378/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	28.393	17.036	9.036	9.000	
21	Cải tạo, nâng cấp ĐH.80 đoạn từ ngã tư cầu Nhật Quang (Km2+610) đến giáp địa phận xã Tống Trân (Km7+920), huyện Phù Cừ	H.PC	3627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	79.000	31.600	14.600	14.600	
22	Cải tạo nâng cấp đường giao thông trên địa bàn huyện Kim Động - Đoạn tuyến từ ĐH.73 thuộc xã Đồng Thanh, huyện Kim Động đến điểm nối với ĐH.59B xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu	H.KĐ	2462/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.850	10.395	2.395	2.000	

Handwritten signature